

Nhớ Về Hưng Hoá

(Chương 14 của cuốn “Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ”)

Tác Giả: Huy Vũ

Trong một bài sấm ký, tiên tri về những địa danh mà cuộc Tổng Khởi Nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng sẽ xảy ra vào năm 1930, cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) đã đề cập đến địa danh Hưng Hoá:

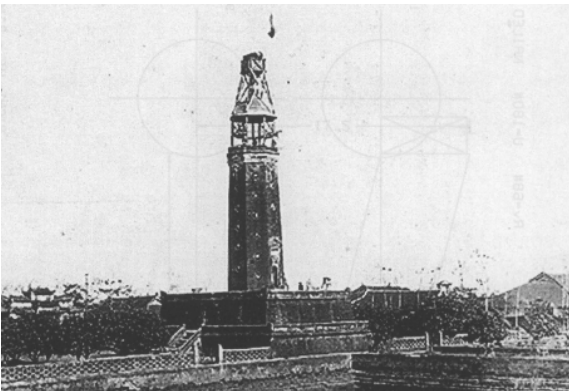
*Kìa cơn gió thổi lá rung cây
Rung Bắc sang Nam Đông tới Tây
Tan tác KIẾN kiều An đất nước (KIẾN AN)
Xác xơ CỒ thụ sạch AM mây (CỒ AM)
Sơn LÂM nổi sóng mù THAO cát (LÂM THAO)
HƯNG địa trào dâng **HOÁ** nước đầy (**HƯNG HOÁ**)
Một giờ một YÊN ai sùng BÁI (YÊN BÁI)
Cha con người VĨNH BẢO cho hay*

Từ thủ đô Hà Nội đi thuyền ngược theo dòng sông Hồng độ 40 cây số, sẽ gặp ngã ba sông Lô và sông Hồng cùng thị trấn Bạch Hạc và Việt Trì đối diện nhau. Đi thêm khoảng 10 cây số nữa lại gặp ngã ba sông Đà và sông Hồng cùng thị trấn Trung Hà. Tiếp tục theo dòng sông Hồng chừng 5 cây số nữa sẽ thấy một thị trấn nhỏ ở phía tay trái, đó là thị trấn Hưng Hoá.

Cái tên Hưng Hoá có lẽ có từ ngày lập quốc. Theo Việt Sử, thì Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang, lấy hiệu là Hùng Vương. Nước Văn Lang lúc bấy giờ được chia ra làm 15 bộ, trong đó có bộ Tân Hưng. Đến thời Bắc thuộc hoặc thời tự chủ, vì muốn chia nhỏ các đơn vị hành chính cho dễ bề cai trị, nên BỘ lại được chia ra thành TRẤN. Vào dịp này, bộ Tân Hưng được chia ra làm hai trấn, Tuyên Quang và Hưng Hoá. Dưới thời Hậu Lê, ông Nguyễn Khả, anh ruột thi hào Nguyễn Du (1705-1820), đã có một thời đảm nhiệm chức Trấn Thủ Sơn Tây kiêm Trấn Thủ Hưng Hoá. Tại thủ phủ của mỗi trấn đều có thành trì rất kiên cố. Đến triều đại nhà Nguyễn, trấn được đổi thành tỉnh. Trấn Hưng Hoá thành tỉnh Hưng Hoá và nơi có thành Hưng Hoá trở thành tỉnh lỵ tỉnh Hưng Hoá.

Khi đặt tên Hưng Hoá cho vùng đất này, có lẽ các cụ ta ngày xưa muốn cho dân chúng trong vùng mỗi ngày một thịnh vượng. Song dân trong tỉnh Hưng Hoá lại chẳng hưng hoá được bao nhiêu, nên người ta mới đổi thành tỉnh Phú Thọ, hy vọng dân trong tỉnh chẳng những giàu có mà lại còn sống lâu nữa. Khi đổi tên tỉnh, người ta cũng dời thủ phủ của tỉnh đi nơi khác. Kể từ đó Hưng Hoá xuống cấp, từ tỉnh lỵ tỉnh Hưng Hoá nay chỉ còn là huyện lỵ huyện Tam Nông.

Thị trấn Hưng Hoá, cũng giống như các thị trấn nhỏ khác ở miền Bắc trước năm 1945, dân cư chỉ có khoảng hai, ba ngàn người, và phố xá cũng chỉ lèo tèo ba, bốn dãy dọc ngang. Thời bấy giờ vì chưa có luật lệ chỉnh trang, nên nhà cửa trong thị xã được xây cất theo lối tùy tiện, cái thấp cái cao, cái xoay mặt ra sông, cái quay lưng ra đường phố. Ở một vài chỗ vẫn còn nhưng căn nhà tranh thấp lè tè xen lẫn những ngôi nhà gạch hai ba tầng. Trong thị trấn chỉ có vài dãy phố chính, có tên là Đệ Nhất, Đệ Nhị và Đệ Tam Phố Đệ Nhất chạy song song với sông Hồng và là một đoạn của liên tỉnh lộ, nên được trải đá và tráng nhựa khá rộng rãi. Còn các dãy phố khác tuy rộng rãi nhưng vẫn là đường đất trải sỏi đá.



Thị trấn Hưng Hoá được bao bọc một mặt bởi sông Hồng và mặt kia là các làng Trúc Khê, Phương Giao và Thượng Nông và xa hơn nữa là Dị Nậu, Đào Xá, Thọ Xuyên. Phía trên thị trấn khoảng 4 cây số có một thác lớn gọi là Thác Ghênh. Lòng sông Hồng được mở rộng theo thời gian và đã xâm thực vào khu núi đá, tạo ra thác này. Vào mùa nước nổi, những khối nước khổng lồ đâm thẳng vào núi đá, rồi dội ngược lại phát ra những tiếng ầm ầm vang dội cả một góc trời. Nhiều người cho rằng nếu

không có núi đá này, thì Hưng Hoá có thể đã cuốn theo dòng nước ra biển Đông từ lâu rồi.

Trước năm 1945, trong thị trấn chỉ có hai công trình kiến trúc nổi bật là Tháp Canh của thành Hưng Hóa ngày xưa mà người dân trong vùng quen gọi là Cột Cờ và Tháp Chuông nhà thơ Hưng Hóa. Cả hai kiến trúc chọc trời này người ta có thể thấy từ xa. Tháp Chuông và Nhà Thờ được xây cất vào cuối thế kỷ XIX. Còn Tháp Canh có lẽ được xây cất từ các triều đại vua chúa xa xưa. Một bằng ciment cốt sắt, tượng trưng cho nền văn minh Tây Phương, và một bằng vôi, tro, mật và gạch, đá tượng trưng cho nền văn minh cổ điển Đông Phương. Cả hai, đều nằm ở cuối thị trấn và ngạo nghễ cùng trời, mây, non, nước. Tháp canh hay cột cờ thành Hưng Hoá được xây cất đồng thời với tháp canh hay cột cờ thành Sơn Tây (*hình trên*) nhưng khác nhau ở chỗ là, một bên có thân hình trụ và một bên có thân hình lục lăng.

Bao quanh tháp canh thành Hưng Hoá là một khu đất bằng phẳng khá rộng rãi. Nền tháp canh là một khối đất hình vuông, cao hơn đầu người, mỗi cạnh dài khoảng 20 mét, có tường bao bọc. Ở giữa mỗi cạnh có xây các bậc thang đi lên mặt nền. Thân tháp canh thành Hưng Hóa là hình trụ đặc, cao khoảng 20 mét, đường kính tiết diện đáy khoảng 6 mét và tiết diện đỉnh khoảng 5 mét. Trong thân hình trụ có đường xoáy tròn ốc với những bậc thang dẫn lên đỉnh tháp. Dưới chân tháp là một gian nhà hầm cho lính canh ngủ nghỉ. Trên đỉnh tháp là một mái nhà tròn lợp ngói, có tường cao bao bọc. Phần trên bức tường là một khoảng trống khá rộng để lính canh có thể nhìn xa trông rộng và du khách có thể thấy được cảnh hùng vĩ bao quanh thị trấn này. Hồi còn nhỏ, tôi đã nhiều lần leo lên đỉnh tháp canh này để vọng cảnh. Thật tuyệt vời. Từ đỉnh tháp, tôi có thể nhìn thấy núi đồi trùng điệp, sông nước quanh co, và cỏ non xanh tận chân trời. Hình dung lại những cảnh quan mà tôi thấy từ đỉnh tháp lúc ấy đã khiến tôi làm được bài “con cóc” sau đây:

*Núi đồi trùng điệp xa xa
Sông Hồng uốn khúc, sông Đà lượn quanh
Tân Viên cao ngất trời xanh
Đền Hùng thấp thoáng, Thác Ghềnh mù sương.*

Trong thị xã còn có ngôi trường tiểu học khá khang trang nằm trên một khu đất rộng rãi. Trước năm 1945, đây là ngôi trường duy nhất trong vùng có tới lớp nhất. Phần đông các học sinh học xong lớp ba trường làng trong khu vực, nếu có điều kiện học lên nữa, thường qui tụ về đây học lớp nhì và lớp nhất để thi lấy bằng Tiểu Học. Học sinh thời bấy giờ thường mặc đồng phục, áo the thâm, quần trắng, giày đen, nón cối trắng. Nhờ ngôi trường, ngôi nhà thờ, tháp chuông, tháp canh v.v... mà Hưng Hoá đã trở thành trung tâm văn hoá của khu vực trung lưu sông Hồng.

Dân cư trong thị xã, trước cuộc chiến tranh Việt Pháp không lấy gì làm đông đảo, và cũng không lấy gì làm giàu có sung túc. Phần đông là tiểu thương và tiểu điền chủ. Các gia đình tiểu thương thường thu mua nông sản như lúa gạo, ngô đậu, nhựa sơn v.v... ở các làng chung quanh thị trấn, mang về xuôi bán kiếm lời. Tiểu điền chủ, vào những ngày mùa, thường đi vào những làng mà họ có ruộng đất cho tá điền cấy rẽ để thu địa tô. Ở Hưng Hoá trước năm 1945 có một dòng họ được coi là giàu vào bậc nhất nhì trong thị xã, đó là họ Vũ. Anh em nhà này, chẳng những có nhà cao cửa rộng trong, mà còn làm chủ khá nhiều ruộng đất trong các làng chung quanh, như Trúc Khê, Phương Giao, Dị Nậu, Đào Xá, Bản Nguyên, Kinh Kệ, Quỳnh Lâm, Thạch Cáp v.v.... Ngoài ra họ còn mở các đại lý bán rượu Ty (1) ở Hưng Hoá, Chợ Bờ (thị xã Hoà Bình), Đồn Vàng, thị xã Phú Thọ v.v... Một vài người trong dòng họ này còn mở trạm thu mua nhựa cây sơn để xuất cảng sang Nhật. Dân trong vùng kháo với nhau rằng, anh em nhà họ Vũ giàu đến nỗi vàng bạc cất trong nhà, không đong đếm bằng lượng hay kí-lô mà phải tính bằng thúng. Theo sự hiểu biết của kẻ viết bài này thì đó chỉ là thói quen “có một độn mưòi” của giới bình dân mà thôi. Thực ra dòng họ này không giàu đến như thế đâu.

Hai bên đường phố trong thị trấn chỉ trồng một loại cây duy nhất, cây phượng vĩ. Dân trong thị xã không gọi loại cây này là PHƯỢNG VĨ, mà gọi là cây ME. Vào mùa hè, toàn thị xã như chìm trong một biển hoa đỏ rực. Trẻ con trong thị xã, thường bẻ hoa phượng vĩ, lựa những nụ hoa lớn, lột vỏ bọc, chọn những đài hoa mập mập, khoẻ mạnh để chơi đá gà. Móc hai đầu đài hoa lại với nhau, rồi giứt mạnh. Hễ đầu đài hoa nào bị rụng trước là kẻ như thua. Cây phượng vĩ cho trái dẹt và dài. Một lớp hạt song song với nhau trải dài theo thân trái. Hạt phượng vĩ khi còn non ăn rất ngon. Khi già, cứng như đá, song luộc hay hầm chín, bóc vỏ ăn bùi như đậu phộng và dẻo như bánh dày.

Vào ngày 10-2-1930, Hưng Hoá đã là một trong những trọng điểm của cuộc Tổng Khởi Nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông Nguyễn Xứ Nhu, người làng Kinh Khê, được lãnh tụ Nguyễn Thái Học giao cho việc chỉ huy lực lượng võ trang tấn công vào đồn binh tại đây. Cuộc khởi nghĩa thất bại, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Xứ Nhu và 10 yếu nhân khác bị lên máy chém tại thị xã Yên Bái vào ngày 17-06-1930.

Tháng 8 năm 1945, khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, một nhóm Việt Minh do ông giáo Đông cầm đầu nổi dậy cướp chính quyền thị trấn. Vài ngày sau đó, có hơn 10 người trong thị trấn, vì có liên hệ với Nhật trước đây, nên bị chính quyền mới bắt giam và kết tội là làm tay sai cho Nhật. Để biểu dương khí thế cách mạng và để trừng trị bọn Việt gian phản động, chính quyền Việt Minh của huyện Tam Nông và thị trấn Hưng Hoá đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn ngay ở khu đất dưới chân cột cờ. Vì có tin đồn, là tất cả những người bị bắt giam sẽ bị giết để thị uy trong ngày biểu tình, nên những người này đã nhận được sự ngoại ứng của thân nhân trốn khỏi nhà giam một cách êm thấm. Chỉ có một người vì quá ốm yếu không thể đi được, nên phải đành nằm lại, đó là ông Cán Ích Khiêm và dân trong thị trấn thường gọi là ông Ba Khiêm. Trong số những người vượt ngục đều phân tán mỏng mỗi người một nơi và trốn thoát được cả, duy chỉ có ông Cán Vũ Ích, anh ruột của ông Khiêm, chẳng may bị săn đuổi sát nút, khiến phải nhảy xuống đầm Thọ Xuyên tự tử.

Trong ngày biểu tình, chỉ có một mình ông Khiêm bị điệu ra trước công chúng, không phải là để xét xử trước toà án nhân dân, mà là để “xin” ý kiến quần chúng. Sau những tiếng hô “Đả Đảo Việt Gian Phản Động” vang dội phủ đầu, là màn kết tội. Toàn là những tội ghê gớm, khiến người nghe phải rùng mình, rợn tóc. Sau đó một câu hỏi được đặt ra là, với những tội ác tày đình, trời không dung, đất không dưỡng như thế, “THA” hay “GIẾT” ? Hầu như là đã được rí tai từ trước, nên đám quần chúng đông đảo, không cần phải suy nghĩ một ly ông cụ nào hết, mà đáp liền tút xuyt: “GIẾT, GIẾT, GIẾT, GIẾT....”

Biểu quyết định của dân chúng được thi hành ngay tại chỗ, và vinh dự cất cổ ông Khiêm được dành cho một cán bộ thâm niên từ Chiến Khu mới ra. Ngay lúc ấy, người ta thấy một gã trung niên gầy còm, nước da xanh xao vàng vọt, dường như đã mang bệnh sốt rét ngã nước lâu ngày, từ phía sau khán đài bước ra. Ông ta tự giới thiệu tên là KIM LONG và đồng dục tuyên bố rằng, chính bàn tay ông ta đã giết rất nhiều tên Việt gian bán nước, và trong ít phút nữa đây sẽ cất cổ thêm một tên tay sai khác nữa. Lời tuyên bố của ông không lấy gì làm hùng hồn, dũng mãnh, nhưng có lẽ vì thành tích vĩ đại đã giết nhiều người, khiến cho đám người biểu tình đang ồn ào phải khiếp vía, nên đã im lặng phăng phác. Không biết sự yên lặng ấy là để tỏ lòng kính trọng một vị “anh hùng” dân tộc, hay chỉ là sự khinh bỉ đối với một tên “khát máu” đã mất hết nhân tính?

Dứt lời, ông Kim Long chậm chạp đến sát ông Cán Ích Khiêm, nắm đầu, kéo ngược ra phía sau, cho cổ ngửa lên trời, rồi rút dao găm từ một túi da bên hông, “đi” một đường lả lướt ngang qua cuống họng ông Khiêm, giống như người ta cắt cổ gà. Từ những động mạch chính ở cổ nạn nhân chỉ vọt ra những tia máu khiêm nhường, có lẽ đã kiệt sức vì đau yếu lâu ngày. Buông xác ông Khiêm ra, Kim Long le lưỡi đỏ hoe ra khỏi hai lớp môi thâm xịt, liếm vào đầu lưỡi dao găm, giữa những tiếng hoan hô man rợ của đám đông.

Không khí sôi động sau Cách Mạng Tháng Tám của thị trấn Hưng Hoá không kéo dài được bao lâu. Cuối năm 1946, quân Pháp đã đánh bật Việt Minh ra khỏi Thủ Đô Hà Nội. Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Chính sách “tiêu thổ kháng chiến” và “vườn không nhà trống” được triệt để áp dụng. Vào dịp này, tất cả nhà cửa của dân chúng cùng các công ốc, nhà thương, trường học v.v.., ngoại trừ các cơ sở tôn giáo và nhà của ngoại kiều, trong các thành phố và thị trấn còn nằm trong vùng Việt Minh kiểm soát đều được lệnh phải triệt hạ.

Thị trấn Hưng Hoá bé nhỏ và thân thương của tôi cũng phải chịu chung số phận đau thương của đất nước. Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến huyện Tam Nông ra lệnh cho dân chúng, bằng mọi cách phải triệt hạ nhà cửa của họ, trong một thời gian ngắn. Sau hạn định này, nhà nào chưa nghiêm chỉnh chấp hành, thì Ủy Ban sẽ cho dân quân và dân công đến “giúp”. Dân chúng trong thị xã bị đặt vào thế chẳng đặng đừng, nên phải tự tay đập phá nhưng ngôi nhà đã được xây cất bằng mồ hôi nước của ông cha hay của chính mình. Xót xa như muối đổ trong lòng. Mỗi nhát búa đập vào ngôi nhà, tưởng chừng như đập chính vào tim, gan, phèo, phổi của mình. Một số khác cho không, hoặc bán đồ bán tháo những căn nhà của họ cho dân quê quanh vùng, tháo gỡ cột, kèo, rui, mè, gạch, ngói mang đi. Vào lúc này thị trấn lại nhộn nhịp hẳn lên, vì rất đông người kéo tới, không phải là để biểu tình “hoan hô cách mạng tháng Tám hay để “đả đảo Việt gian bán nước” mà là để “làm cỏ” thị trấn. Tiếng khóc, tiếng cười, tiếng búa đập, tiếng gạch đổ, tiếng ngói rơi v.v. vang động một góc trời.

Tháp Canh của thành Hưng Hóa ngày xưa, một kiến trúc thuần túy Việt Nam, một di tích lịch sử lâu đời, cũng chịu chung số phận tang thương của đất nước. Kiến trúc cổ kính và vững chắc này đã gây rất nhiều khó khăn cho đám dân công có trách nhiệm triệt hạ nó. Lúc đầu, việc dỡ mái ngói, cột kèo, hoạc phá bỏ bức tường bao quanh ngôi nhà tròn nhỏ trên đỉnh tháp hầu như không gặp khó khăn nào. Song khi phá đến thân chính và cầu thang của cột cờ thì búa tạ không còn tác dụng nữa. Vôi, cát, tro vò sò vò ốc, muối và mật mía đã kháng khít với nhau từ hàng trăm năm trước đã không chịu “ly thân” một cách dễ dàng. Dù là búa tạ với những cánh tay lực lưỡng giáng xuống cũng chỉ gây được những đường nứt nông cạn và những mảnh vỡ nhỏ nhỏ. Ủy Ban Hành Chính và Kháng Chiến huyện đã phải tăng cường cho toán dân công một “chuyên viên” chất nổ. Từng lớp thuốc nổ được đặt, từng loạt ngòi nổ được châm, từng loạt tiếng nổ vang dậy, song thân cột cờ vẫn trơ như đá vững như đồng.

Dân trong thị trấn đồn đại rằng, nhiều năm về trước, có một cô gái thất tình, leo lên cột cờ, rồi gieo mình tự tử. Thực hư không ai rõ, nhưng dân trong vùng tin là hồn ma cô gái rất linh thiêng, và đã bám trụ ở đây. Không xa cột cờ bao nhiêu, lại có một ngôi đền nằm cạnh nhà kho của một trại lính, nên người ta gọi là Đền Kho. Tuy không lớn và khang trang, nhưng có tiếng là linh thiêng. Hàng ngày có nhiều người trong vùng tới cúng kiếng và cầu xin. Người phụ nữ lớn tuổi, hiền lành coi đền, là con một gia đình cố cựu trong thị trấn, được gọi là “Bà Cả Mâm”. Có người bảo, vì bà tên là MÂM, lại là con gái đầu lòng của một gia đình nên được gọi là Bà Cả Mâm. Song cũng có người lại nói là, khi khách hành hương mang bánh trái, hoa quả hay đồ tam sinh đến cúng kiếng, khi ra về vì thấy bà coi đền tử tế, thường biếu bà nguyên cả mâm đồ cúng, nên người ta mới gọi là Bà Cả Mâm.

Ngay khi thấy toán dân công tới phá cây cột cờ, bà Cả Mâm đã nói bóng nói gió với họ rằng, phải cúng kiếng hồn ma cô gái đền hoàng tử tế mới có thể phá cây cột cờ được. Lúc đầu, lời cảnh báo này được coi như tiếng gió thoảng ngoài. Nhưng về sau phá mãi không xong, rồi dùng đến cả thuốc nổ nữa cũng không tiến triển được bao nhiêu, đã khiến họ phải suy nghĩ lại, rồi tìm đến Bà Cả Mâm nhờ giúp đỡ. Thế là một con gà, một mâm xôi và nhang đèn được đem ra cúng ngày dưới chân cột cờ. Quả nhiên, sau đó việc phá sập cây cột cờ không còn gặp nhiều khó khăn nữa.

Sau khi nhà cửa và các dinh thự trong thị xã được Việt Minh “giải phóng” hoàn toàn, người ta lại tính đến việc giải phóng luôn những những hàng phượng vĩ tươi tốt dọc hai bên đường phố. Tội nghiệp cho những hàng cây phượng vĩ, đâu có mong đợi quân xâm lăng kéo đến để bán nước cầu vinh, mà chỉ cho hoa đẹp và bóng mát, cũng bị con cháu cụ Hồ “đốn sát gốc”. Thân xác nằm ngổn ngang lớp lớp trên mặt đường để cản xe tăng thiết giáp của quân đội viễn chinh Pháp. Sau đợt giải phóng toàn diện này, thị trấn Hưng Hoá trở nên quang đãng đến nỗi người đứng ở đầu thị xã có thể thấy người đứng cuối, và toàn cảnh thị xã trông hoang dại như một bãi tha ma.

Dường như ông Hồ, cùng những đỉnh cao trí tuệ của cái gọi là Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà còn thấy rằng các thành phố và các thị xã trong vùng kháng chiến dù đã hoang tàn như thế song vẫn chưa đủ cảm chân quân xâm lược Pháp tiến chiếm, nên lại ra lệnh cho dân chúng phải đào hầm hố hay đắp ụ dọc ngang tạo chướng ngại vật chằng chịt những trên các đường phố trong các thị trấn, mà còn trên tất cả các trục lộ giao thông và đê điều nữa. Thế là thị trấn Hưng Hoá của tôi, chỗ thì được đắp ụ, chỗ được đào hầm hố nát bầy như tương dầm.

Thị trấn Hưng Hoá của tôi, vốn đã tang thương, nay càng thêm điêu tàn. Hai ngôi nhà của hai gia đình người Hoa ở hai đầu phố và ngôi đền Quang Dụ ở giữa phố Đệ Nhất mà công đền được coi như là một công trình kiến trúc tuyệt khéo của tiền nhân, chưa bị phá hủy trong những đợt đầu, nay lại bị triệt hạ trong đợt chót này. Người ta giải thích rằng, ông Tường Giới Thạch đã và đang bị Mao Trạch Đông đánh đuổi và tiến chiếm toàn bộ lục địa, nên dân của ông không cần phải nể nang nữa. Còn đền miếu không có phải là cơ sở tôn giáo mà chỉ là chứng tích của lòng mê tín dị đoan. Trong toàn thị trấn, chỉ còn ngôi Nhà Thờ và Tháp Chuông còn nguyên vẹn và đứng trơ vơ thi gan cùng tuế nguyệt. Vì dân chúng trong thị xã phải tản phải tản cư hết, nên dù là ngày Chúa Nhật, nhà Thờ vẫn vắng như Chùa Bà Đanh. Người ta chỉ thấy bóng dáng một vài bố già, tự coi mình là “trâu già chẳng nệ dao phay” liềm thân bám trụ, sáng sáng ra quét sân và nhật lá vàng rụng rơi trong khuôn viên nhà thờ.

Sau khi đã “bình định” xong Hà Nội và Hải Phòng, Quân Pháp áp dụng chính sách “vết dầu loang” tiến chiếm vùng đất phía Bắc, đặc biệt là các làng mạc và các thị trấn dọc theo sông Hồng. Khoảng năm 1947 chiếm thị xã Hưng Hoa, mặc dù nơi đây chỉ còn là đồng gạch vụn với hầm hố ngổn ngang.

Tuy mang tiếng là đi đến đâu cướp của giết người đến đó. Nhưng khi quân đội Pháp chiếm được vùng nào là ít lâu sau dân chúng quy tụ về vùng ấy. Các thị trấn bị Pháp lấn chiếm chỉ ít lâu sau là buôn bán tấp nập, rồi biến thành cửa khẩu lén lút trao đổi hàng hoá với dân chúng trong vùng giải phóng. Chợ trao đổi hàng lậu, thường được họp trên mặt nước của một khúc sông khuất nẻo. Dân chúng trong vùng Pháp kiểm soát thường dùng thuyền nan nhỏ chở đá lửa, dầu hôi, đồng hồ, bút máy, thuốc tây, radio v.v... tới chợ để đổi lấy nông phẩm. Còn dân trong vùng “giải phóng” quần sắn tơi bện, tay xách, nách mang: gà, vịt, ngan, ngỗng, heo v.v.. đến sát những chiếc thuyền nan để thương lượng trao đổi, mà không phải dùng đến tiền cụ Hồ hay đồng bạc Đông Dương. Các làng mạc quanh thị trấn Hưng Hoá trở thành vùng tề. Hội đồng xã của các làng này thường ban ngày làm việc với Pháp và ban đêm lại làm việc cho Việt Minh, nên cụm từ “ám ở hội tề” được phát sinh từ đó.

Trong thị trấn, một đồn lớn được thiết lập. Lúc bấy giờ có lẽ Pháp chưa có đủ hay chưa được viện trợ dây kẽm gai và cọc sắt dòi dào, nên đồn Hưng Hoá được rào bằng tre nửa hoặc bằng cây vạt nhọn. Trên đầu mỗi cọc ở lớp rào ngoài cùng được móc hay treo một hay nhiều vỏ lon đồ hộp lủng lẳng. Mỗi khi có người đụng đến hay bị gió thổi mạnh, lon đập vào nhau kêu loảng xoảng. Đặc biệt trên nóc tháp chuông nhà thờ cũng được thiết lập một trạm gác để nhòm ngó vào các làng mạc trong vùng. Toán tiền sát pháo binh cũng thường xuất hiện tại đây để hướng dẫn và điều chỉnh những khẩu đại bác tác xạ từ căn cứ Trung Hà. Sáng sáng tiếng chuông nhà thờ Hưng Hoá lại tiếp tục ngân nga vang dội tới các làng xã xa xa, như một lời nhắc nhở với giáo dân trong vùng rằng: “Chúa đã trở về cùng các con”.

Trong chiến tranh Việt Pháp, Hưng Hoá là một tiền đồn quan trọng trong hệ thống đồn bót chạy dọc theo sông Hồng và sông Đà. Cho tới năm 1950, sau khi được Trung Cộng trang bị đầy đủ và huấn luyện thành thực bộ đội Việt Minh đã mở chiến dịch tấn công quân đội Pháp dọc theo đường số 4, biên giới Hoa Việt. Trong chiến dịch này quân Pháp đã bị thất bại nặng nề, Đại tá Charton và Lepart bị bắt làm tù binh, đồn Hưng Hoá đã vội vàng “di tản chiến thuật” về Trung Hà, mặc dù trong vùng chưa có sự hiện diện của bất kỳ một đơn vị chính quy nào của Việt Minh cả. Từ làng Bản Nguyên, Quỳnh Lâm, Thành Chu phía bên này sông, người ta nghe thấy những tiếng đập phá chất chúa, tiếng gọi nhau ý ới và cả tiếng đồ đạc va chạm nhau loảng xoảng nữa. Rồi từng đoàn quân xa và dân xa lũ lượt kéo nhau ra khỏi thị trấn. Những viên đại bác được bắn về phía sau đoàn người di tản, dường như để ngăn chặn một lực lượng truy kích tưởng tượng.

Ngay sau đó, thị trấn Hưng Hoa trở nên yên tĩnh một cách khác thường. Mãi đến khi trời tối mịt, người ta mới nhận ra đồn Hưng Hoá đã hoàn toàn bỏ ngõ. Ngay trong đêm dân chúng quanh vùng đã tràn vào hôi của. Thị trấn Hưng Hoa lại được trở về với vùng “giải phóng”. Song vì quân Pháp vẫn hiện diện ở đồn Trung Hà, và thường gửi những viên “đại sứ” 105 hay 155 tới thăm viếng, nên không một ai dám trở về làm ăn buôn bán cả. Giòng họ Vũ giàu có và cố cựu trong thị xã ngày xưa, cũng đã bị chiến tranh và Việt Minh làm cho tán gia bại sản.



Một trạm gác bên trong thành Hưng Hóa ngày xưa

Sau năm 1975, tôi có gặp một vài người dân cố cựu ở Hưng Hoá tại Sài Gòn và hỏi thăm về quê cũ. Được biết Hưng Hoá của tôi đã thay đổi rất nhiều. Một số đồng, không phải là gốc gác ở Hưng Hoá đã kéo tới che tạm túp lều tranh buôn bán. Tuy có vài người đã trở nên khá khá, nhưng nói chung mức thịnh vượng

của thị trấn vẫn còn kém xa hồi trước năm 1945.

Cứ mỗi lần đi đâu nhìn thấy bông phượng vĩ đỏ ối, là tôi lại nhớ đến thành phố Hưng Hoá nhỏ bé thân thương, nhớ đến căn nhà gạch khang trang của ông bà nội tôi ở phố Đệ Nhất, nhớ đến căn nhà bằng đá ong rộng rãi của ông bà ngoại tôi ở phố Đệ Tam. Tất cả đã đi vào dĩ vãng xa xôi. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy thị trấn Hưng Hoá hoang tàn, đổ nát, là cuối năm 1954, trước khi trốn chạy về Hà Nội, rồi tìm đường xuống Hải Phòng đáp tàu di cư vào miền Nam. Hy vọng một ngày đẹp trời nào đó tôi sẽ trở về thị trấn thân thương này để tìm lại dấu chân xưa.

